

Số: 2224 /QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về hành vi vi phạm; việc xử lý kỷ luật công chức, viên chức ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi vi phạm; xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi xảy ra vi phạm, tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, phụ trách

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018; Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ quy định về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức; Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính; Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/09/2018;

Căn cứ Quy định số 03-QĐi/BCSD ngày 10/02/2023 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính về phân cấp quản lý các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính; Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về hành vi vi phạm; việc xử lý kỷ luật công chức, viên chức ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi vi phạm; xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi xảy ra vi phạm, tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, phụ trách”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Chánh Văn phòng Tổng cục Thuế và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Mai Xuân Thành*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Các đ/c Lãnh đạo Tổng cục Thuế;
- Đảng ủy cơ quan Tổng cục Thuế;
- Công đoàn cơ quan Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Vụ, đơn vị thuộc, trực thuộc TCT;
- Lưu VT, TCCB.

Mai Xuân Thành
10

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Mai Xuân Thành



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về hành vi vi phạm; việc xử lý kỷ luật công chức, viên chức ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi vi phạm; xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi xảy ra vi phạm, tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, phụ trách (Kèm theo Quyết định số: 2124/QĐ-TCT ngày 27/12/2024 của Tổng cục Thuế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này tổng hợp, triển khai một số quy định có liên quan về hành vi vi phạm; việc xử lý kỷ luật công chức, viên chức ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi vi phạm; xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi xảy ra vi phạm, tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, phụ trách. Quy định áp dụng đối với công chức, viên chức ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế (không bao gồm các chức danh lãnh đạo Tổng cục Thuế thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính).

Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Việc xem xét xử lý kỷ luật phải đảm bảo thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật công chức, viên chức; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế (các Vụ/đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế; các Phòng và tương đương thuộc Vụ/đơn vị tại cơ quan Tổng cục Thuế; các Phòng và tương đương thuộc và trực thuộc Cục Thuế; các Đội và tương đương thuộc Chi cục Thuế) phải chịu trách nhiệm nếu trực tiếp vi phạm; chịu trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu khi để xảy ra vi phạm, tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, phụ trách theo quy định của pháp luật và các quy định của cấp có thẩm quyền về nghĩa vụ, trách nhiệm của công chức, viên chức nói chung và của công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.

3. Thẩm quyền; trình tự, thủ tục; thời hạn, thời hiệu xử lý kỷ luật;... đối với công chức, viên chức được thực hiện theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ quy định về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức; Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ; các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản khác có liên quan.

4. Trong quá trình xem xét xử lý vi phạm, trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền để chuyển hồ sơ cho cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của Bộ Luật Hình sự và các quy định khác có liên quan.

5. Các hành vi vi phạm; các quy định về xử lý kỷ luật công chức, viên chức, xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu chưa nêu tại Quy định này thì căn cứ vào các Quy định khác có liên quan của cấp có thẩm quyền để rà soát, xác định và xem xét xử lý theo đúng quy định, đảm bảo không bỏ sót hành vi vi phạm và không bỏ sót việc xử lý kỷ luật công chức, viên chức liên quan.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM VÀ

VIỆC XỬ LÝ KỶ LUẬT CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

KHI VI PHẠM

Điều 3. Hành vi vi phạm

1. Công chức, viên chức có hành vi vi phạm các quy định về nghĩa vụ của công chức, viên chức; những việc công chức, viên chức không được làm; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật khi thi hành công vụ hoặc có hành vi vi phạm khác liên quan đến hoạt động công vụ bị xử lý kỷ luật về đảng, đoàn thể thì bị xem xét xử lý kỷ luật hành chính.¹

2. Trong quá trình thực thi công vụ; cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện hành vi vi phạm của công chức, viên chức để kịp thời ngăn chặn và có hình thức xử lý nghiêm minh, theo đúng quy định. Việc xác định hành vi vi phạm căn cứ các quy định của Đảng; pháp luật của nhà nước; quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;.... Quá trình rà soát, xác định hành vi vi phạm của công chức, viên

¹ Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ.

chức cần lưu ý xem xét các hành vi vi phạm đặc trưng trong từng lĩnh vực theo các danh mục Hành vi vi phạm của từng lĩnh vực cụ thể sau đây:

- Danh mục 1: Hành vi vi phạm tổng hợp theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ.

- Danh mục 2: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra.

- Danh mục 3: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; kiểm tra nội bộ; kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Danh mục 4: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản, ấn chỉ, đầu tư xây dựng; kế toán, kiểm toán và đấu thầu.

- Danh mục 5: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực tổ chức cán bộ.

- Danh mục 6: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế.

- Danh mục 7: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực hành chính, văn thư, lưu trữ; cải cách thủ tục hành chính; truyền thông.

- Danh mục 8: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực pháp chế.

- Danh mục 9: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý rủi ro.

- Danh mục 10: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực cải cách, hiện đại hóa, nghiên cứu khoa học.

- Danh mục 11: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực tuyên truyền, hỗ trợ.

- Danh mục 12: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế, khoanh nợ, xóa tiền nợ thuế.

- Danh mục 13: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.

- Danh mục 14: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực hướng dẫn, triển khai chính sách thuế, nghiệp vụ thuế, quản lý thuế.

- Danh mục 15: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực dự toán thu thuế.

- Danh mục 16: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về thuế, thuế quốc tế.

- Danh mục 17: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; quản lý thuế thu nhập cá nhân; quản lý phí, lệ phí.

- Danh mục 18: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế đối với doanh nghiệp.

- Danh mục 19: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý các khoản thu từ đất.

- Danh mục 20: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế tại xã, phường, thị trấn.

- Danh mục 21: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Danh mục 22: Hành vi vi phạm trong các lĩnh vực thuộc Tạp chí Thuế.

- Danh mục 23: Hành vi vi phạm trong các lĩnh vực thuộc Trường Nghiệp vụ Thuế.

(Các danh mục Hành vi vi phạm kèm theo)

Điều 4. Việc tạm đình chỉ công tác, tạm đình chỉ chức vụ đối với công chức, viên chức ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi có vi phạm

Công chức, viên chức ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế có hành vi vi phạm thì việc xem xét tạm đình chỉ công tác, tạm đình chỉ chức vụ thực hiện theo đúng quy định tại Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Luật Phòng, chống tham nhũng; Quy định số 148-QĐ/TW ngày 23/5/2024 của Bộ Chính trị; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019, Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020, Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023, Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Điều 5. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Khi xem xét xử lý kỷ luật cần đánh giá, xác định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo khoản 4, khoản 8 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ); Điều 5, Điều 6 Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị quy định về kỷ luật tổ chức, đảng viên vi phạm và các quy định khác có liên quan; theo đó, một số nội dung cần xem xét để đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi xử lý kỷ luật công chức, viên chức như sau:

1. Các tình tiết tăng nặng:

a) Đã được cơ quan, đơn vị yêu cầu kiểm điểm nhưng không thực hiện, không sửa chữa khuyết điểm, vi phạm. Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm, hình thức xử lý kỷ luật tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm; gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn, không khắc phục hậu quả hoặc khắc phục không đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, không tự giác nộp lại tiền, tài sản do vi phạm mà có.

b) Đối phó, quanh co, cản trở quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Bao che cho người vi phạm; đe dọa, trù dập, trả thù người đấu tranh, tố cáo, người làm chứng, người cung cấp tài liệu, chứng cứ vi phạm.

c) Vi phạm có tổ chức, là người chủ mưu; cung cấp thông tin, báo cáo sai sự thật; ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm; che giấu, sửa chữa, tiêu hủy chứng cứ, tạo lập tài liệu, hồ sơ, chứng cứ giả.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh thực hiện chính sách an ninh xã hội và quốc phòng, an ninh để trục lợi. Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

2. Các tình tiết giảm nhẹ

a) Chủ động báo cáo vi phạm của mình với cơ quan, tự giác nhận trách nhiệm cá nhân về khuyết điểm, vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm trước và trong quá trình kiểm tra, giám sát.

b) Chủ động cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, phản ánh đầy đủ, trung thực về những người cùng vi phạm.

c) Chủ động chấm dứt hành vi vi phạm, tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác nộp tài sản tham nhũng, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra.

Điều 6. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật²

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ, các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật như sau:

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm.

2. Phải chấp hành quyết định của cấp trên theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Cán bộ, công chức.

3. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự khi thi hành công vụ.

4. Công chức, viên chức có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời.

Điều 7. Xác định tính chất, mức độ vi phạm; trình tự, thủ tục và quyết định hình thức kỷ luật

1. Theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ, mức độ gây hậu quả của hành vi vi phạm được xác định như sau:³

a) Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi nội bộ, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

b) Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động ngoài phạm vi nội bộ, gây dư luận xấu trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

c) Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

d) Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động sâu rộng đến toàn xã hội, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

2. Đối với hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải triển khai trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Áp dụng hình thức kỷ luật:

² Điều 4 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ.

³ Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ.

Việc xem xét áp dụng hình thức kỷ luật thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; thái độ tiếp thu và sửa chữa; việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả; các quy định của Đảng và của pháp luật về miễn kỷ luật hoặc giảm nhẹ trách nhiệm; ..., kiến nghị của Hội đồng kỷ luật (nếu có) để xem xét, quyết định hình thức xử lý kỷ luật cho phù hợp.⁴

Chương III

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU, CẤP PHÓ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI XẢY RA VI PHẠM TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, PHỤ TRÁCH

Điều 8. Nghĩa vụ của công chức là người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu⁵

1. Đối với công chức là người đứng đầu:

Công chức là người đứng đầu ngoài việc phải thực hiện nghiêm các quy định về những việc công chức không được làm tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Luật cán bộ, công chức; các quy định về nghĩa vụ của công chức nói chung tại Điều 8 và Điều 9 của Luật cán bộ, công chức; còn phải thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều 10 Luật cán bộ, công chức sau đây:

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;
- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;
- Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với công chức là cấp phó người đứng đầu:

⁴ Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ.

⁵ Điều 8, 9, 10, 18, 19, 20 Luật cán bộ, công chức

Cấp phó người đứng đầu phải thực hiện nghiêm các quy định về những việc công chức không được làm tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Luật cán bộ, công chức; các quy định về nghĩa vụ của công chức nói chung tại Điều 8 và Điều 9 của Luật cán bộ, công chức; chịu trách nhiệm như người đứng đầu trong lĩnh vực được phân công lãnh đạo, quản lý, điều hành bằng văn bản ủy quyền hoặc bằng văn bản phân công phụ trách lĩnh vực của người đứng đầu hoặc cấp trên.

Điều 9. Nghĩa vụ của viên chức quản lý⁶

Viên chức quản lý ngoài việc phải thực hiện nghiêm các quy định về những việc viên chức không được làm tại Điều 19 của Luật Viên chức; các quy định về nghĩa vụ của viên chức nói chung quy định tại Điều 16, Điều 17 của Luật Viên chức, còn phải thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều 18 Luật viên chức sau đây:

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị theo đúng chức trách, thẩm quyền được giao;
- Thực hiện dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết, đạo đức nghề nghiệp trong đơn vị được giao quản lý, phụ trách;
- Chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp của viên chức thuộc quyền quản lý, phụ trách;
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực; quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, tài chính trong đơn vị được giao quản lý, phụ trách;
- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đơn vị được giao quản lý, phụ trách.

Điều 10. Xác định trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế khi xảy ra vi phạm

Khi xảy ra vi phạm; các cơ quan, tổ chức, đơn vị cần kịp thời triển khai rà soát, xác định trách nhiệm của cá nhân vi phạm, trách nhiệm của các cá nhân có liên quan để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nghiêm theo quy định. Đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị; ngoài việc xác định và có hình thức xử lý nghiêm khi trực tiếp vi phạm (nếu có); còn phải rà soát, xác định và xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu khi để xảy ra vi phạm ở cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, phụ trách. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra vi phạm của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ; Cấp phó của người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra vi phạm trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; người đứng đầu chịu trách nhiệm liên đới. Đồng thời, cần xác định và xử lý trách nhiệm theo các quy định khác có liên quan của cấp có thẩm quyền (nếu có), đảm bảo không bỏ sót trách nhiệm của các cá nhân có liên quan khi xảy ra vi phạm.

Việc xác định trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cần lưu ý các nội dung sau:

1. Vụ trưởng, Chánh Văn phòng và tương đương tại cơ quan Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt

⁶ Điều 16, 17, 18, 19 Luật viên chức

động của Vụ, Văn phòng, đơn vị (gọi chung là đơn vị); Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng và tương đương chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng, Chánh Văn phòng và tương đương và trước pháp luật về lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách.⁷

Khi xảy ra vi phạm của đơn vị, của công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo xác định rõ những cá nhân trực tiếp vi phạm; trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để trình báo cáo Tổng cục Thuế xem xét, xử lý theo quy định và thẩm quyền.

2. Cục trưởng Cục Thuế (địa phương) chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Thuế; Phó Cục trưởng Cục Thuế chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách.⁸

Khi xảy ra vi phạm của đơn vị, của công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị, Cục trưởng Cục Thuế có trách nhiệm chỉ đạo xác định rõ những cá nhân trực tiếp vi phạm; trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định và thẩm quyền.

3. Trưởng phòng và tương đương thuộc Cục và tương đương chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và tương đương và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng/đơn vị; Cấp phó chịu trách nhiệm trước Cấp trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách.

Khi xảy ra vi phạm của đơn vị, của công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị, Trưởng phòng và tương đương có trách nhiệm báo cáo Cục trưởng và tương đương để chỉ đạo xác định rõ những cá nhân trực tiếp vi phạm; trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định và thẩm quyền.

4. Chi cục trưởng Chi cục Thuế chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục Thuế; Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách.⁹

Khi xảy ra vi phạm của đơn vị, của công chức, viên chức, người lao động thuộc Chi cục Thuế, Chi cục trưởng có trách nhiệm báo cáo Cục trưởng Cục Thuế để chỉ đạo xác định rõ những cá nhân trực tiếp vi phạm; trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định và thẩm quyền.

5. Đội trưởng Đội Thuế và tương đương (gọi chung là Đội) thuộc Chi cục Thuế chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt

⁷ Điều 14 Quy định kèm theo Quyết định số 1965/QĐ-BTC ngày 08/10/2021; Điều 4 Quyết định số 1966/QĐ-BTC, 1968/QĐ-BTC, 1969/QĐ-BTC ngày 08/10/2021; Điều 4 Quyết định số 2157/QĐ-BTC, 2158/QĐ-BTC, 2159/QĐ-BTC ngày 15/11/2021.

⁸ Điều 4 Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

⁹ Điều 4 Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

động của Đội; Cấp phó chịu trách nhiệm trước Cấp trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách.

Khi xảy ra vi phạm của đơn vị, của công chức, người lao động thuộc Đội Thuế, Đội trưởng có trách nhiệm báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Thuế báo cáo Cục Thuế để chỉ đạo xác định rõ những cá nhân trực tiếp vi phạm; trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định và thẩm quyền.

Điều 11. Xử lý công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi xảy ra vi phạm

Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý vi phạm các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của công chức, viên chức nói chung và nghĩa vụ, trách nhiệm của công chức, viên chức là người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu nói riêng; vi phạm những việc công chức, viên chức không được làm; vi phạm nội quy, quy chế, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật khi thi hành công vụ hoặc có hành vi vi phạm khác liên quan đến hoạt động công vụ bị xử lý kỷ luật về đảng, đoàn thể sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Quy trình, thủ tục và hình thức xử lý kỷ luật thực hiện theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Chương IV

**XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU,
CẤP PHÓ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHỮNG
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, PHỤ TRÁCH**

Điều 12. Trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới.¹⁰

Việc xác định trách nhiệm và xử lý được thực hiện theo đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các quy định pháp luật có liên quan, trong đó

¹⁰ Điều 72 Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018.

lưu ý các nội dung sau:

- Thủ trưởng các Cục/đơn vị tương đương thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của cấp phó; của Trưởng phòng và tương đương ở đơn vị do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ (nếu đơn vị có Phòng/đơn vị trực thuộc) và các công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ (nếu có).

- Cấp phó các Cục/đơn vị tương đương thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của Trưởng phòng và tương đương ở đơn vị do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ (nếu đơn vị có Phòng/đơn vị trực thuộc) và các công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Thủ trưởng Cục/đơn vị tương đương chịu trách nhiệm liên đới.

- Trưởng phòng và tương đương ở các Cục/đơn vị: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của cấp phó và các công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ.

- Phó Trưởng phòng và tương đương ở các Cục/đơn vị: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Trưởng phòng và tương đương chịu trách nhiệm liên đới.

- Chi cục trưởng ở các Cục Thuế: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của cấp phó, của Đội trưởng và tương đương ở đơn vị thuộc Chi cục Thuế do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ và công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ.

- Phó Chi cục trưởng ở các Cục Thuế: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của Đội trưởng và tương đương ở đơn vị thuộc Chi cục Thuế do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ và công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Chi cục trưởng chịu trách nhiệm liên đới.

- Đội trưởng và tương đương thuộc Chi cục Thuế: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của cấp phó và công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ.

- Phó Đội trưởng và tương đương thuộc Chi cục Thuế: chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của công chức, viên chức, người lao động do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Đội trưởng và tương đương chịu trách nhiệm liên đới.

Ngoài việc xác định đối tượng để xử lý trách nhiệm như nêu trên, việc xác định và xử lý trách nhiệm đối với các công chức, viên chức liên quan khác thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 13. Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách¹¹

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

¹¹ Điều 73 Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018.

trong ngành Thuế chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng quy định tại Điều 12 của Quy định này thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người đứng đầu chịu trách nhiệm liên đới khi để xảy ra tham nhũng quy định tại Điều 12 của Quy định này thì bị xử lý kỷ luật.

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu được xem xét loại trừ, miễn, giảm hoặc bị tăng trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp sau đây:

a) Được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng;

b) Được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật;

c) Được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Bị xem xét tăng trách nhiệm trong trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc không kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Căn cứ xác định trách nhiệm¹²

1. Việc xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.

2. Mức độ của vụ việc tham nhũng được xác định như sau:

a) Vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

b) Vụ việc tham nhũng nghiêm trọng là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm;

c) Vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm;

d) Vụ việc tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.¹³

Điều 15. Hình thức xử lý kỷ luật¹⁴

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu nếu để xảy ra vụ, việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ, việc sẽ bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức sau:

¹² Điều 76 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

¹³ Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

¹⁴ Điều 77 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

1. Khiển trách;
2. Cảnh cáo;
3. Cách chức.

Điều 16. Áp dụng hình thức kỷ luật¹⁵

1. Hình thức khiển trách được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng.

2. Hình thức cảnh cáo được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng hoặc nhiều vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

3. Hình thức cách chức được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc nhiều vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Điều 17. Trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật¹⁶

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng.

Điều 18. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu¹⁷

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế trong việc phòng, chống và xử lý vi phạm, tham nhũng

1. Phổ biến, quán triệt toàn bộ nội dung Quy định này đến toàn thể công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; đặc biệt là quy định về các danh mục Hành vi vi phạm trong từng lĩnh vực để công chức, viên chức toàn ngành thực hiện nghiêm túc, không để xảy ra vi phạm, khuyết điểm trong thực thi công vụ.

¹⁵ Điều 78 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

¹⁶ Điều 79 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

¹⁷ Điều 80 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

2. Thường xuyên giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho công chức, viên chức.

3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm những hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm của công chức, viên chức.

4. Kiểm tra, xác minh làm rõ theo đúng quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo và Quy chế tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong ngành thuế khi nhận được đơn, thư tố cáo các hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm của công chức, viên chức.

5. Tăng cường và duy trì các hoạt động đối thoại, giao lưu trực tuyến với tổ chức, cá nhân nộp thuế. Tổ chức thực hiện tốt số điện thoại Đường dây nóng, Hộp thư điện tử của Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế để tổ chức, cá nhân và công dân phản ánh kịp thời những hành vi vi phạm, biểu hiện tiêu cực, sách nhiễu của công chức, viên chức ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành Thuế. Đồng thời, phải tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong công tác đấu tranh, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, vi phạm.

Điều 20. Trách nhiệm của công chức, viên chức ở ngành Thuế trong thực thi nhiệm vụ, công vụ

1. Phải không ngừng học tập, rèn luyện, thấm nhuần đạo đức cách mạng, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế, các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của công chức, viên chức theo Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức; Quy định, quy chế văn hóa công sở của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế; Quy định về 10 điều kỷ luật đối với công chức, viên chức ngành Thuế và các quy định khác có liên quan.

2. Cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ, không làm trái pháp luật, không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân nộp thuế hoặc thông đồng với tổ chức, cá nhân nộp thuế để làm giảm nghĩa vụ thuế nhằm mục đích vụ lợi; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn, công việc được phân công để đòi hỏi các tổ chức, cá nhân đưa hối lộ hoặc thỏa mãn các lợi ích khác. Nếu vi phạm các hành vi trên sẽ phải chịu hình thức xử lý kỷ luật hành chính nghiêm khắc tương xứng với mức độ vi phạm. Việc ký cam kết thực hiện theo các quy định, hướng dẫn hiện hành của Tổng cục Thuế.

3. Phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện, hành vi vi phạm và luôn coi đây là nghĩa vụ, trách nhiệm, bổn phận của bản thân đối với sự nghiệp phát triển của toàn ngành Thuế.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Công chức, viên chức (bao gồm cả lãnh đạo hoặc không giữ chức vụ lãnh đạo) có vi phạm sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định nêu trên và các quy định khác có liên quan, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền; nếu vi phạm các chế độ chính sách chung của Nhà nước, vi phạm các quy định về những việc công

chức, viên chức, đảng viên không được làm hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xem xét, xử lý kỷ luật theo đúng quy định hiện hành.

2. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong ngành Thuế nếu để xảy ra vi phạm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình phụ trách, quản lý trực tiếp thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý trách nhiệm đối với hành vi vi phạm trực tiếp; trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu theo Quy định này và các quy định khác của Đảng, Nhà nước và của ngành có liên quan.

3. Các nội dung tại Quy định này nhằm tổng hợp, hệ thống các quy định có liên quan để thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và công chức, viên chức khi nghiên cứu triển khai. Việc thực hiện theo các nội dung tại Quy định này phải đảm bảo không trái các quy định khác có liên quan của Đảng, Nhà nước và của các cơ quan có thẩm quyền.

4. Khi các nội dung được căn cứ để hướng dẫn trong Quy định này hết hiệu lực thi hành hoặc được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế,... thì việc tổ chức thực hiện được áp dụng theo các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế có hiệu lực thi hành của cơ quan có thẩm quyền./.